

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Cam Vũ Quang”

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19/06/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/06/2019; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 1665/NQ-UBTVQH15 được Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 16/6/2025 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hà Tĩnh năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 65/2023/NĐ-CP ngày 23/8/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BKHCN ngày 30/11/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và biện pháp thi hành Nghị định số 65/2023/NĐ-CP liên quan đến thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp và bảo đảm thông tin sở hữu công nghiệp;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 16/2025/QĐ-UBND ngày 01/3/2025 ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Sở Khoa học và Công nghệ; số 1692/QĐ-UBND ngày 11/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Dự án “Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Cam Vũ Quang” cho sản phẩm cam quả của huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh”;

Căn cứ Văn bản số 3183/UBND-VX₂ ngày 20/5/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phương án bàn giao sở hữu, quản lý các nhãn hiệu cộng đồng và phương án xử lý đối với các dự án sở hữu trí tuệ đang triển khai do sắp xếp đơn vị hành chính ở địa phương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Cam Vũ Quang”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu chứng nhận “Cam Vũ Quang”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở; Trưởng Phòng Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- UBND các xã: Vũ Quang, Mai Hoa, Thượng Đức;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, CN&ĐMST.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Phong An

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUY CHẾ

Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Cam Vũ Quang”

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SKHCHN ngày tháng 01 năm 2026
của Sở Khoa học và Công nghệ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích và phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý, cấp quyền, sử dụng, kiểm soát và xử lý vi phạm trong việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận (NHCN) “Cam Vũ Quang” cho sản phẩm quả cam tươi và dịch vụ mua bán quả cam tươi được trồng tại các xã Vũ Quang, Mai Hoa và Thượng Đức của tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.
2. Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận.
3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận

Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận “Cam Vũ Quang” là Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ được sử dụng có nghĩa như sau:

1. Nhãn hiệu chứng nhận “Cam Vũ Quang” là nhãn hiệu được Cục Sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ (mẫu nhãn hiệu được thể hiện chi tiết tại Phụ lục 1 của Quy chế này).
2. Cơ quan quản lý NHCN: là Chủ sở hữu hoặc tổ chức được Chủ sở hữu ủy quyền thực hiện quản lý việc sử dụng NHCN.
3. Tổ chức/cá nhân sử dụng NHCN
Tổ chức/cá nhân sử dụng NHCN là tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện sử dụng được quy định tại Điều 5 Quy chế và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN.

4. Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận là văn bản do Chủ sở hữu cấp cho tổ chức, cá nhân đáp ứng điều kiện sử dụng (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận).

5. Khu vực địa lý tương ứng với nhãn hiệu chứng nhận là khu vực sản xuất/kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ quy định tại Quy chế này được xác định trên bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt.

6. Hàng hóa/dịch vụ mang nhãn hiệu chứng nhận: sản phẩm quả cam tươi và dịch vụ mua bán quả cam tươi

7. Đơn vị kiểm nghiệm chất lượng: là tổ chức có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc chỉ định làm nhiệm vụ kiểm nghiệm chất lượng.

Chương II

ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG VÀ TIÊU CHÍ CHỨNG NHẬN NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “CAM VŨ QUANG”

Điều 5. Điều kiện sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

Mọi tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây thì được xem xét cấp Giấy chứng nhận:

1. Sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý tại bản đồ được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt.
2. Sản phẩm/dịch vụ đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Điều 6 Quy chế.
3. Tổ chức/cá nhân sử dụng NHCN được chủ sở hữu cấp quyền sử dụng.

Điều 6. Tiêu chí chứng nhận

Các tiêu chí chứng nhận được quy định cụ thể tại Phụ lục 03 kèm theo Quy chế này.

Điều 7. Phương pháp đánh giá các tiêu chí chứng nhận

1. Việc đánh giá nhằm xác định sản phẩm/dịch vụ đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chứng nhận quy định tại Điều 6 của Quy chế này trước khi được cấp và trong quá trình duy trì quyền sử dụng NHCN.

2. Việc đánh giá được thực hiện thông qua các phương pháp:

- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu liên quan;
- Kiểm tra thực địa tại cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc điểm cung cấp dịch vụ

vụ

- Thực hiện các phương pháp kiểm nghiệm chất lượng theo quy định chi tiết nêu tại Phụ lục 03.

3. Tất cả hoạt động đánh giá phải đảm bảo khách quan, minh bạch, tuân thủ pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 8. Đề nghị cấp quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng NHCN nộp các tài liệu đề nghị cấp quyền sử dụng cho chủ sở hữu NHCN gồm:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN (theo Phụ lục 02).
2. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; bản sao giấy tờ tùy thân của người đại diện hợp pháp (nếu là hộ sản xuất, cá nhân).
3. Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện sử dụng và các tiêu chí chứng nhận tương ứng theo Phụ lục 03 của Quy chế này.

Điều 9. Quy trình đánh giá và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Đơn vị quản lý NHCN.
2. Đơn vị quản lý NHCN tiếp nhận và thẩm định hồ sơ; tổ chức kiểm tra thực tế điều kiện sản xuất/kinh doanh đối chiếu với tiêu chí chứng nhận.
3. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, Đơn vị quản lý NHCN thông báo bổ sung một lần bằng văn bản.
4. Căn cứ kết quả thẩm định và kiểm tra thực tế, Đơn vị quản lý quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN; trường hợp cần thiết có thể kiểm tra thực tế trước khi quyết định.

Điều 10. Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ, người đại diện của cơ sở sản xuất/kinh doanh;
 - b) Danh mục sản phẩm/dịch vụ được chứng nhận;
 - c) Thời hạn sử dụng;
 - d) Xác nhận của Chủ sở hữu NHCN.

2. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận là 03 năm kể từ ngày ký.

Điều 11. Gia hạn, thu hồi, sửa đổi, bổ sung và cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Gia hạn Giấy chứng nhận:

- Trước khi Giấy chứng nhận hết hạn, nếu kết quả kiểm tra, giám sát trong thời gian sử dụng trước đó không phát hiện vi phạm hoặc sai lệch chất lượng, Giấy chứng nhận được tự động gia hạn thêm một chu kỳ theo quy định, không cần đánh giá lại.

- Việc gia hạn được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá định kỳ và hồ sơ kiểm soát chất lượng gần nhất.

- Trong trường hợp có thay đổi quy trình sản xuất, địa điểm, tổ chức, cá nhân cần thông báo cho Đơn vị quản lý bằng văn bản để chỉ sở hữu NHCN tiến hành kiểm tra thực tế.

2. Thu hồi Giấy chứng nhận

Giấy chứng nhận bị thu hồi trong trường hợp:

- Không còn đáp ứng điều kiện hoặc tiêu chí chứng nhận quy định tại Quy chế;

- Sử dụng sai mục đích, sai phạm vi hoặc gây nhầm lẫn về chất lượng, nguồn gốc;

- Cung cấp sai thông tin trong hồ sơ;

- Chuyển giao quyền sử dụng NHCN cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào;

- Vi phạm quy định của Quy chế và không khắc phục trong thời hạn được yêu cầu.

3. Sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận

- Trường hợp có thay đổi thông tin hoặc phát hiện có thông tin chưa chính xác thì tổ chức, cá nhân có thể đề nghị Tổ chức quản lý sửa đổi Giấy chứng nhận;

- Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng thì tổ chức, cá nhân có thể đề nghị Tổ chức quản lý cấp lại Giấy chứng nhận.

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chứng minh, giải trình căn cứ sửa đổi, cấp lại Giấy chứng nhận.

Điều 12. Kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng NHCN

1. Chủ sở hữu NHCN có quyền kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.

2. Nội dung kiểm tra và tần suất kiểm tra dựa trên mức độ rủi ro và tình hình thực tế.

3. Cơ sở có trách nhiệm phối hợp và cung cấp thông tin phục vụ kiểm tra.

4. Kết quả kiểm tra là căn cứ xử lý hoặc thu hồi nếu vi phạm.

5. Việc kiểm soát chất lượng thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo kế hoạch được phê duyệt.

6. Phương pháp kiểm soát việc sử dụng NHCN: Phương pháp giám sát, đánh giá định kỳ và theo dõi phản hồi từ người tiêu dùng.

7. Chi phí kiểm soát: Chi phí kiểm tra, kiểm soát và duy trì việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận được thực hiện theo quy định của Chủ sở hữu NHCN và thông báo công khai đến các tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN.

Điều 13. Chi phí đối với các tổ chức, cá nhân được cấp chứng nhận và quy định về việc sử dụng kinh phí.

1. Chi phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận; chi phí thường niên duy trì Nhãn hiệu chứng nhận và chi phí kiểm nghiệm cho việc đánh giá để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận và kiểm tra chất lượng định kỳ hay đột xuất trong quá trình sử dụng nhãn hiệu chứng nhận được thực hiện theo sự thoả thuận giữa Cơ quan quản lý nhãn hiệu và các tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu trên cơ sở đảm bảo cho việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận, quản lý việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận và phải thông qua hợp đồng.

2. Kinh phí thu được do Tổ chức chứng nhận quản lý, được sử dụng một phần cho những chi phí cần thiết trong công tác quản lý nhãn hiệu chứng nhận và phục vụ công tác tuyên truyền quảng bá nhãn hiệu. Mọi chi phí được quyết toán theo chế độ tài chính quy định.

Chương IV

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 14. Chủ sở hữu NHCN

1. Quyền hạn:

a) Ban hành, sửa đổi Quy chế;

b) Cấp, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận;

c) Kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm/dịch vụ mang NHCN;

d) Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN;

đ) Xử lý hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm.

2. Trách nhiệm:

- a) Tuyên truyền, hướng dẫn áp dụng Quy chế;
- b) Đảm bảo công tác quản lý minh bạch, đúng pháp luật

Điều 15. Tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN

1. Quyền hạn:

- a) Sử dụng NHCN theo phạm vi được cấp;
- b) Được bảo vệ quyền lợi hợp pháp khi bị xâm phạm;
- c) Tham gia đóng góp ý kiến cho hoạt động phát triển NHCN.

2. Nghĩa vụ:

- a) Tuân thủ Quy chế và pháp luật liên quan;
- b) Duy trì chất lượng đúng tiêu chí chứng nhận;
- c) Chấp hành kiểm tra, kiểm soát;
- d) Nộp phí sử dụng (nếu có).

Điều 16. Hành vi vi phạm

Những hành vi sau đây được coi là vi phạm Quy chế quản lý và sử dụng NHCN:

1. Đối với Chủ sở hữu NHCN

- Cấp quyền sử dụng NHCN không đúng với điều kiện và tiêu chí sử dụng NHCN.

- Làm sai lệch thủ tục và trình tự cấp quyền sử dụng NHCN vì mục đích trục lợi cá nhân.

2. Đối với cơ sở sản xuất/kinh doanh sử dụng NHCN

- Sử dụng NHCN khi chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN.

- Sử dụng NHCN cho những sản phẩm, dịch vụ không đáp ứng được các tiêu chí của sản phẩm, dịch vụ mang NHCN được quy định tại Quy chế này.

- Sử dụng mẫu NHCN không đúng với mẫu NHCN đã được Cục Sở hữu trí tuệ bảo hộ.

- Giới thiệu, quảng bá sai sự thật về NHCN và sản phẩm, dịch vụ mang NHCN.

- Chuyển nhượng quyền sử dụng NHCN cho các tổ chức, cá nhân khác dưới bất cứ hình thức nào.

Điều 17. Xử lý hành vi vi phạm

- 1. Tất cả các hành vi vi phạm Quy chế này đều phải được xử lý kịp thời.

2. Chủ sở hữu NHCN trực tiếp xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý.

3. Hình thức xử lý.

- Nhắc nhở.

- Cảnh cáo.

- Thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN có thời hạn hoặc vô thời hạn.

4. Đối với các hành vi vi phạm quyền sở hữu công nghiệp nằm ngoài sự kiểm soát và xử lý của Chủ sở hữu NHCN thì được xử lý theo Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản khác có liên quan.

Điều 18. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Chủ sở hữu NHCN có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo liên quan đến áp dụng Quy chế quản lý và sử dụng NHCN của tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Chủ sở hữu NHCN, tổ chức, cá nhân sử dụng NHCN có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Quy chế này. Chủ sở hữu Nhãn hiệu chứng nhận chủ trì việc triển khai, hướng dẫn và giám sát thực hiện Quy chế trong phạm vi khu vực địa lý được bảo hộ; Tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận có nghĩa vụ phối hợp với Chủ sở hữu NHCN để đảm bảo duy trì uy tín, chất lượng và giá trị của NHCN trong suốt quá trình sử dụng.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung

1. Quy chế có thể được xem xét sửa đổi, bổ sung khi cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý và thực tiễn sản xuất, kinh doanh.

2. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Chủ sở hữu NHCN xác nhận, công bố, thông báo cho các tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan./.

Phụ lục 01: MẪU NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “CAM VŨ QUANG”



Phụ lục 02
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP QUYỀN SỬ DỤNG NHCN

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hà Tĩnh

Tên cơ sở/tổ chức/cá nhân:

Địa chỉ:

Đại diện: Chức vụ:

Điện thoại: Email:

Đề nghị được cấp quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận đối với sản phẩm/dịch vụ sau:

- Tên sản phẩm/dịch vụ:

- Địa điểm sản xuất/cung ứng:

Tài liệu kèm theo:

- Bản sao giấy tờ pháp lý của cơ sở
- Hồ sơ minh chứng tiêu chí theo yêu cầu
- Các giấy tờ liên quan khác (nếu có)

Tôi/Cơ sở xin cam kết:

1. Tuân thủ đầy đủ các quy định trong Quy chế quản lý và sử dụng NHCN;
2. Chỉ sử dụng NHCN cho các sản phẩm/dịch vụ đã được xác nhận;
3. Bảo đảm chất lượng, nguồn gốc, quy trình sản xuất phù hợp tiêu chí chứng nhận;
4. Chấp hành kiểm tra, kiểm soát chất lượng khi có yêu cầu của Chủ sở hữu NHCN;
5. Không chuyển giao quyền sử dụng hoặc làm ảnh hưởng uy tín NHCN.
6. Nộp phí sử dụng NHCN.

Chúng tôi nhận thức rằng mọi hành vi vi phạm có thể dẫn đến thu hồi quyền sử dụng NHCN “Mật ong Vũ Quang”.

....., ngày tháng năm

Người đại diện

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nhóm tiêu chí	Chỉ tiêu phải đạt	Tài liệu chứng minh	Phương pháp đánh giá	Tần suất đánh giá
	<p>405,5 gam); Đường kính quả (74,5 – 92,7 mm); Chiều cao quả (75,1 – 91,2 mm); Tỷ lệ phần ăn được (73,52 – 76,8 %); Độ Brix (9,5 – 13,0); Đường tổng số (8,06 – 15,5 %); Chất khô (25,7 – 28,0 %); Vitamin C (48,6 – 58,6 mg/100g); A xít hữu cơ (1,08 – 1,43 %);</p> <p>+ Cam V2: Khối lượng quả (230,7 – 260,9 gam); Đường kính quả (75,4 – 79,6 mm); Chiều cao quả (69,8 – 72,3 mm); Tỷ lệ phần ăn được (74,9 – 81,1 %); Độ Brix (10,1 – 12,3); Đường tổng số (7,1 – 11,2 %); Chất khô (11,4 – 18,3 %); Vitamin C (47,6 – 51,2 mg/100g); A xít hữu cơ (0,469 – 0,582 %);</p> <p>+ Cam bù: Khối lượng quả (245,5 – 377,5 gam); Đường kính quả (85,5 – 102,0 mm); Chiều cao quả (66,5 – 73,5 mm); Tỷ lệ phần ăn được (85,5 – 88,7 %); Độ Brix (9,2 – 11,5); Đường tổng số</p>	<p>đơn vị kiểm nghiệm chất lượng cung cấp.</p>	<p>giá độc lập tại đơn vị kiểm nghiệm chất lượng thứ ba trong trường hợp cần thiết</p> <p>- Kiểm tra chứng nhận do cơ sở sản xuất, kinh doanh cung cấp.</p>	

Nhóm tiêu chí	Chỉ tiêu phải đạt	Tài liệu chứng minh	Phương pháp đánh giá	Tần suất đánh giá
	(7,8 – 10,5 %); Chất khô (17,5 – 21,3 %); Vitamin C (37,7 – 45,3 mg/100g); A xít hữu cơ (0,627 – 0,974 %). - An toàn thực phẩm: Hàm lượng chì <0,05 ppm; Không phát hiện vi khuẩn Ecoli, Samonela	- Chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp		
Quy trình kỹ thuật	Áp dụng đúng quy trình đã ban hành tại Phụ lục kèm theo	Hồ sơ ghi chép nhật ký sản xuất	Đối chiếu nhật ký sản xuất; kiểm tra công đoạn	12 tháng/lần
Tiêu chí ghi nhãn và nhận diện	Gắn Nhãn hiệu chứng nhận đúng quy định	Hồ sơ nhận diện, hình ảnh kiểm tra thực tế	Kiểm tra trực tiếp trên sản phẩm	Theo đợt lưu thông

Phụ lục 06**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA VIỆC SỬ DỤNG NHCN**

Mục đích: Ghi nhận kết quả kiểm tra/kiểm soát thực tế việc sử dụng và tuân thủ tiêu chí chứng nhận.

1 THÔNG TIN CHUNG

- Thời gian kiểm tra:
- Địa điểm kiểm tra:
- Đoàn kiểm tra: (Tên + chức vụ)
- Cơ sở được kiểm tra:
- Sản phẩm/Dịch vụ mang NHCN:

2 NỘI DUNG KIỂM TRA

HƯỚNG DẪN		
Đánh giá nguồn gốc, chất lượng, quy trình...		

3 PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH/CHỨNG NHẬN KÈM THEO:

- Số lượng mẫu: ... / Mã mẫu: ...
- Đơn vị kiểm nghiệm/chứng nhận: ...

4 KẾT LUẬN & XỬ LÝ

Đạt Không đạt

- Yêu cầu khắc phục (nếu có):

5 XÁC NHẬN

Trưởng đoàn kiểm tra: (ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện cơ sở được kiểm tra: (ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 07
KỸ THUẬT SẢN XUẤT CAM VŨ QUANG

1. Nhân giống

Nhân giống bằng phương pháp ghép.

- *Chọn cây lấy mắt ghép*: Cây sinh trưởng khỏe, năng suất ổn định, chất lượng cao, mẫu quả đẹp, cây có độ tuổi từ 6 -10 năm, tán sum xuê, không bị bệnh Greening, Tristeza.

- *Chọn cành ghép*: Là cành bánh tẻ, ở giữa tán, chọn những mắt giữa cành để ghép

- *Chọn cây gốc ghép*: Phải là giống chịu được sâu bệnh và hạn hán, các giống cam chua, chanh sần, là những giống có thể làm gốc ghép cho cây giống cam chanh trồng tại Vũ Quang

- *Thời vụ ghép*: từ Tháng 2 – tháng 9

- *Mở cửa sổ ghép*: Tùy vào phương pháp ghép mắt hoặc ghép chữ T mà mở cửa sổ ghép cho phù hợp, vị trí ghép cách gốc 15-20 cm dùng dao sắc mở cửa sổ ghép sao cho khớp với mắt ghép.

- *Lấy mắt, chồi ghép*: Chọn mắt, chồi ghép trên cành đã chuẩn bị, dùng dao cắt ngược trên xuống lấy mắt có độ dài tương đương cửa đã mở trên gốc ghép.

- *Thao tác ghép*: Đặt mắt, chồi ghép đã lấy vào cửa sổ trên gốc ghép sao cho các mép vỏ khít vào nhau, dùng dây nylon buộc chặt chạy từ dưới lên trên, các mép nylon khít nhau.

- *Chăm sóc sau ghép*: để cây trong nhà có lưới che, tưới nước duy trì độ ẩm, phun thuốc trừ sâu vẽ bùa, nhện đỏ; 1 tháng sau ghép bật mầm, 5 tháng sau ghép khi cây có 2 cặp cành có thể đem trồng được

- *Chọn mua cây giống*: Mua ở những cơ sở sản xuất có đủ điều kiện tiêu chuẩn làm vườn ươm, có giấy chứng nhận sản xuất cây giống do cơ quan có thẩm quyền cấp. Cây giống thuần chủng, độ đồng đều đạt 95% cây sinh trưởng tốt, chiều cao từ gốc ghéo trở lên tối thiểu 30 cm, đường kính gốc ghép 0,8 – 1 cm, đường kính thân 0,6 cm, không biểu hiện thối rễ, vàng lá, bệnh virus.

2. Kỹ thuật trồng

(1) Chọn đất, chuẩn bị hố trồng

- Đất trồng cần được xử lý cỏ, gốc cây, tốt nhất là nên đào xới loại bỏ gốc, rễ cây, để đất tơi xốp và tiêu nước được tốt.

- Hồ đào theo hình tròn đường kính 0,5 m – 0,6 m: sâu 0,5 – 0,7 m. Đào tầng đất mặt sang một bên, tầng đất dưới sâu sang một bên, sau đó tầng đất mặt sẽ là tầng đất trộn phân cho tơi xốp.

- Lượng phân bón cho mỗi hố như sau: Phân chuồng hoai mục 20 - 30 kg; phân lân 0,5-1kg; NPK tổng hợp 0,5 kg; vôi bột 0,5 kg xử lý trên toàn bộ diện tích xung quanh hố, phân chuồng trộn đều với lớp đất mặt + lân đưa xuống hố lấp kín, sau ít nhất 1 tháng bắt đầu trồng.

(2) Mật độ, thời vụ trồng

- Mật độ trồng: 4 m x 5 m hoặc 5 m x 5 m (tương đương 400 cây/ha – 500 cây/ha).

- Thời vụ trồng: từ tháng 3 - tháng 11 dương lịch, nếu chủ động tưới tiêu có thể trồng vào tháng 3-4 dương lịch, nhưng thích hợp nhất là tháng 9-11 dương lịch.

(3) Kỹ thuật trồng

Xác định vị trí đặt cây đúng vào tâm hố, dùng dao rạch túi bầu, hạn chế làm vỡ bầu, mặt trên bầu ngang với mặt đất, đặt bầu sao cho lưng mắt ghép quay về hướng gió chính, ngắt cây thẳng đứng, vùi dần đất nhỏ xuống trước ấn chặt đất xung quanh bầu để cây đứng. Lấy cọc cắm buộc vào thân chính hạn chế mưa gió làm lay gốc sau đó tưới nước cho cây.

4. Kỹ thuật chăm sóc giai đoạn cơ bản

(1) Cách tạo tán

Sau trồng 1 năm khi cây ổn định bắt đầu tiến hành tạo tán, vị trí cắt cách mặt đất 30 - 40 cm. Mỗi cây để lại 3 cành cấp 1 phân đều về các hướng, trên mỗi cành cấp 1 cao 20 -30 cm bắt đầu bấm ngọn để tạo thành 2- 3 cành cấp 2, Sau đó chăm sóc để cây ra lộc tạo tán. Lưu ý tránh để cành cấp 1 và cấp 2 có hình chữ V, cây dễ bị bẻ gãy khi mưa bão.

(2) Bón phân giai đoạn kiến thiết cơ bản

- Lượng phân

STT	Loại phân (kg/cây)	Tuổi cam		
		Tuổi 1	Tuổi 2	Tuổi 3-4
1	NPK (16-16-8)	0,5 - 1	1 - 2	2 - 3
2	Lân (NPK 5-10-3)	0,3	0,4 – 0,5	0,7 – 1,0
3	Phân hữu cơ	20 - 30	30 - 35	40 - 45
4	Vôi bột	0,1 - 0,2	0,3 – 0,4	0,5

- Thời gian bón

Lần 1: Vào cuối T2 đầu T3, bón để thúc lộc sớm, cành xuân, bón 1/3 lượng phân NPK

Lần 2: Vào T5 – T6 để thúc lộc hè, bón 1/3 lượng phân NPK

Lần 3: Bón vào T8-T9 để thúc lộc thu, bón 1/3 phân NPK còn lại

Lần 4: Bón sau thu hoạch (T11 – 12), bón toàn bộ phân hữu cơ, phân lân và vôi bột

- Cách bón

Phân NPK có thể bón rải quanh tán khi trời mưa, đất ẩm, nếu trời nắng nên tưới nước sau khi bón hoặc cuốc rãnh xung quanh mép tán rải đều và lấp đất sẽ tốt hơn.

Phân hữu cơ được đảo trộn đều với phân lân ủ trước khi bón 1- 2 tháng, đào rãnh quanh mép tán rải phân rồi rắc kín. Vôi bột rải trên toàn bộ diện tích bề mặt.

(3) Làm cỏ, trồng xen, tưới nước

Dãy cỏ hoặc phun thuốc trừ cỏ trước những lần bón phân vô cơ trong phạm vi tán. Trong 1-2 năm đầu trồng xen các loại cây họ đậu (lạc, đậu tương...) để cải tạo đất, tăng thu nhập

Tưới nước thường xuyên để giữ ẩm đảm bảo độ ẩm đất

4. Kỹ thuật chăm sóc giai đoạn kinh doanh

(1) Bón phân

- Lượng phân bón và thời gian bón

Loại phân bón	Lượng bón (kg/cây)	Thời gian bón
NPK (16-18-8)	3-4	
NPK nhiều lân (5-10-3)	2,0 - 4,0	Sau thu hoạch
Phân hữu cơ	>80	Sau thu hoạch
Vôi bột	1,0 - 2,0	Sau thu hoạch

- Thời gian và cách bón (giống giai đoạn kiến thiết cơ bản)

(2) Tỉa cành, tỉa quả

Sau khi thu hoạch quả phải tiến hành cắt bỏ những cành tăm nằm bên trong tán và cành quá sát mặt đất, những cành bị khô, gãy, cành bị sâu bệnh, các chồi vượt.

Cắt cành sát vào thân cành chính, thu dọn cành cắt đưa đi tiêu hủy xa khu vườn.

Khi quả đã đậu ổn định, cắt bỏ những quả nhỏ, quả dị tật...định số quả hữu hiệu thích hợp với tán cây, không nên để quá nhiều quả/ cây.

(3) Vệ sinh đồng ruộng, quét gốc

- Làm cỏ thường xuyên, trong phạm vi tán luôn sạch cỏ

- Dọn sạch các tàn dư (quả thối rụng, cắt cành khô...) đem đi tiêu hủy xa đồng ruộng

- Dùng Lưu huỳnh vôi hoặc boocdo 5-10% để quét gốc ở độ cao cây từ 1-1,5 m, một năm quét một lần vào giai đoạn sau thu hoạch.

(4) Tưới nước, giữ ẩm.

- Tưới nước thường xuyên để đảm bảo độ ẩm đất 70% đặc biệt cần tưới đủ ẩm vào các giai đoạn khủng hoảng nước: giai đoạn trước khi ra hoa (cuối T1-đầu T2), khi quả lớn (cuối T3 - đầu T4)

- Sau mỗi đợt bón phân vô cơ nếu thời tiết không có mưa thì cần phải tưới để tăng hiệu quả bón phân

- Trong mùa khô nên hạn chế cày cuốc tránh bốc thoát hơi nước, trồng xen các cây họ đậu vừa tăng thu nhập vừa giữ ẩm cho cây, che phủ gốc bằng cỏ khô, tàn dư thực vật...để giữ ẩm cho cây

5. Phòng trừ sâu bệnh hại

(1) Sâu hại

- *Sâu vẽ bùa*

Phát sinh và gây hại mạnh theo các đợt lộc, làm cho lá bị cong queo mất khả năng quang hợp.

Phòng trừ: phun phòng khi lộc mới nhú 1- 2 cm các loại thuốc Padan 95SP, Mã Lục, Dầu khoáng Cantex...

- *Nhện đỏ*

Nhện đỏ xuất hiện quanh năm, phát sinh gây hại vào các tháng mùa khô, gây hại chủ yếu trên cành bánh tẻ, nhện chích hút dinh dưỡng trong mô lá làm mất diệp lục bạc màu làm mất khả năng quang hợp.

Phòng trừ: Theo dõi thường xuyên, phun phòng trừ luân phiên bằng các loại thuốc Dandy, Dầu khoáng, Danitol...

- *Sâu đục thân cành*

Do ấu trùng của xén tóc gây hại, xén tóc trưởng thành thường vũ hóa vào tháng 4 đến tháng 6, sau đó đẻ trứng vào các kẽ nứt trên thân cây, các chạc cây, các nách lá. Sâu non sau khi nở đục thẳng về phía thân cành chính

Phòng trừ: Khi thấy xén tóc trưởng thành vũ hóa thì tiến hành bắt giết, phun thuốc phòng trừ trứng và sâu non 2 lần/tháng bằng các loại thuốc nội hấp như Bi 58 nồng độ 0,4%, Supracide nồng độ 0,2%, vv... Từ tháng 4 đến tháng 8 thường xuyên kiểm tra phát hiện và cắt các cành khô, héo do sâu đục, kiểm tra thân cây nếu thấy lỗ đục và phân đùn ra thì dùng dây thép nhỏ chọc vào giết sâu, hoặc dùng xilanh bơm thuốc sâu vào đường đục mới nhất.

- *Nhện giám vàng (nhện trắng, nhện óng, nhện vàng)*

Phát sinh gây hại mạnh từ tháng 2 đến tháng 11 trong năm trên cả lá và quả cam làm cho quả, lá bị giám đen, giám vàng, giám bạc.

Phòng trừ: Phun thuốc phòng trừ ngay trước khi hoa nở, sau khi đậu quả và khi quả nhỏ tới khi quả có đường kính khoảng từ 1-1,5 cm, thời gian phun 7 ngày 1 lần. Các loại thuốc phòng trừ nhện đỏ kết hợp với thuốc Zineb

- *Ngài chích hút quả*

Vào ban đêm ngài bay vào vườn hút nước dịch quả chín, xung quanh lỗ đục bị thối nhũn, quả chuyển sang màu vàng và rụng.

Phòng trừ: Thường xuyên làm vệ sinh đồng ruộng, thu nhặt các quả bị hại, quả thối rụng đem tiêu hủy. Bắt ngài trưởng thành bằng vợt hoặc bẫy bả chua ngọt

- *Ruồi vàng đục quả*

Ruồi đẻ trứng vào quả rồi phát triển gây hại làm cho quả bị thối nhũn và rụng.

Phòng trừ: Đặt bẫy môi bả để tiêu diệt vào khoảng từ tháng 8 trở đi và nhất thiết phải tiến hành phòng trừ tập trung trên diện rộng, đồng bộ

(2) Bệnh hại

- *Bệnh loét cam quýt*

Bệnh do vi khuẩn *Xanthomonas Citri* gây ra, bệnh hại cả trên lá, cành, quả, bệnh thường xâm nhiễm từ mặt dưới lá, bệnh phát sinh gây hại mạnh trong điều kiện thời tiết nóng ẩm. Triệu chứng là vết loét hình tròn, màu nâu, xù xì, có quầng vàng xung quanh.

Phòng trừ

+ Sử dụng nguồn cây giống sạch bệnh.

+ Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng, cắt bỏ các lá, cành, quả bị nhiễm bệnh đem đốt để hạn chế nguồn bệnh.

+ Sử dụng các loại thuốc trừ bệnh có gốc đồng như boocđô, đồng oxyclorua, Kasumin... phun phòng trừ, tập trung phun kỹ ở mặt dưới lá

- *Bệnh chảy gôm*

Nhựa chảy ra từ các vết nứt, các vết thương trên thân cây làm cho vỏ cây bị thối, khô nứt tách rời khỏi thân gỗ, vết bệnh có thể xung quanh thân hay dọc theo cành, thân cây. Bệnh nặng làm cho cây không sinh trưởng phát triển được và cây dần vàng lá, khô chết.

Phòng trừ: Chọn cây giống khỏe mạnh, trồng nông gốc, bón phân cân đối và hợp lý đúng thời kỳ, bón phân chuồng hoai mục. Khi phát hiện cành bị cháy gồm cần cắt bỏ đem đốt, phát hiện vết bệnh trên thân, gốc cây thì dùng dao sắc cao sạch vết bệnh rồi dùng thuốc Som nguyên chất, Ridomil MZ nồng độ 0,5%, Aliette nồng độ 0,5% quét trực tiếp vào vết bệnh và phun phòng trừ trên quả.

- *Bệnh thối nâu quả*

Bệnh do nấm *Penicilium* sp gây hại, bệnh thường phát sinh gây hại vào mùa mưa

Phòng trừ: Trồng với mật độ hợp lý, tạo tia cho cây trông thoáng, thường xuyên làm vệ sinh đồng ruộng bằng cách cắt bỏ các cành khô chết, thu cắt các quả bị thối đem chôn sâu, xa đồng ruộng.

- *Bệnh phấn trắng*

Bệnh này phát sinh nhiều vào mùa xuân, chúng lây lan nhanh tác hại làm cho lá, hoa, quả non teo tóp, rụng hàng loạt.

Phòng trừ: dùng các loại thuốc Bayfidan 250 EC nồng độ 0,07%; Zineb nồng độ 0,3%; Lưu huỳnh keo nồng độ 0,3%

- *Bệnh Greening*

Đây là bệnh nguy hiểm nhất hiện nay đối với cam, do vi khuẩn *Liberobacter asiaticum* gây ra. Vi khuẩn gây bệnh nằm trong mạch libe, ngăn cản sự vận chuyển nước và dinh dưỡng đến các bộ phận của cây. Cây bị bệnh có đặc điểm: Cành nhỏ, cành tăm mọc chụm vào nhau; Tán cây nhỏ lại; Lá vàng và bé, có gân xanh, thịt vàng, phiến lá cong hình thìa; Quả nhỏ, chín không đều, ít nước và chua, phẩm chất kém; Hạt lép nhiều và có màu nâu.

Biện pháp phòng: Khi cam bị bệnh greening chặt bỏ, trồng mới bằng giống sạch bệnh. Phun phòng trừ rầy chổng cánh (môi giới truyền bệnh) bằng Selecron 0,2%, Supracide, Confidor 700WG, Actara...